

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C, TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày: 17/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông **Nguyễn Văn Tám**
 - + Ông **Trần Thanh Tùng**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hứa Quốc Thái** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Ông **Đinh Văn Thông** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Hiệu Hoàng N, sinh năm 1989, tại B.

- Nơi cư trú: Số 319, Khóm 4, Phường 1, thị xã G, tỉnh B.
- Nghề nghiệp: Lái xe.
- Trình độ văn hoá: 09/12.
- Dân tộc: Khome; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam.
- Con ông: Hiệu B, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1973.
- Bị cáo chưa có vợ con.
- Tiền sự: Không.
- Tiền án: Không.

Bị cáo bị khởi tố điều tra tại ngoại. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2019 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

1. Anh **Vũ Trọng B**, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 259B/HB, Tổ 10, phường L, quận B, thành phố C.

2. Chị **Trần Thị Hồng L**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 206, Tổ 25, Khu vực 4, phường H, quận C, thành phố C.

*** Bị đơn dân sự:** Anh **Hồ Văn T**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 133, đường Trần Huỳnh, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Lưu Văn L**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh S.

2. Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Trung Thành H, xã X, huyện T, tỉnh T.

3. Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 94/19B S, Phường 2, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hiệu Hoàng N được Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp giấy phép lái xe số 950123004192 hạng C vào ngày 21/8/2017 có giá trị đến ngày 21/8/2022.

Khoảng 17 giờ ngày 15/7/2019, Hiệu Hoàng N điều khiển xe ô tô tải biển số 94C-03390 do Hồ Văn T đứng tên chủ sở hữu, lưu thông từ tỉnh Đ về tỉnh C trên xe chở 14.060kg thức ăn. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe ô tô tải biển số 94C-03390 lên dốc cầu M thuộc quốc lộ 1 km 2017+400m ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T với vận tốc khoảng 40km/h trên làn đường ngoài cùng bên trái. Lúc này, phía trước cùng chiều có xe ô tô 07 chỗ biển số 65A-07969 do Lê Văn T điều khiển chở chị Trần Thị Hồng L ngồi ở ghế trước ngang ghế tài xế, do N ngủ gật và không giữ khoảng cách an toàn

nên N đã để xe do N điều khiển đụng vào phía sau xe ô tô 65A-07969 và đẩy xe 65A-07969 đụng vào phía sau xe ô tô tải biển số 83C-02226 do Lưu Văn L điều khiển đang lưu thông phía trước gây tai nạn, hậu quả hư hỏng 03 xe ô tô, bị thương chị Trần Thị Hồng L.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/7/2019 của Công an huyện C xác định:

Đường trải nhựa, mặt đường gồ ghề, đoạn dốc cầu M, đường không có đèn chiếu sáng. Tổ chức giao thông hai chiều có vạch kẻ đường liên tục ở giữa chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt, mỗi chiều đường có hai làn đường. Theo mỗi chiều đường làn đường bên trái rộng 3,75m, làn đường bên phải rộng 2,30m. Hai bên đường có dải hộ lan.

Chọn A là đầu dải hộ lan bên phải theo hướng T đi M làm điểm mốc, chọn vạch kẻ đường phân chia làn đường theo chiều đường T – M làm chuẩn.

Vị trí xe ô tô tải 94C-03390 dừng sau tai nạn, xe dừng trên làn đường bên trái theo chiều đường T – M, đầu xe quay về hướng M, đuôi xe quay về hướng T. Từ trục trước bên phải kéo vuông góc vào vạch kẻ đường là 0,55m, từ trục sau bên phải kéo vuông góc vào vạch kẻ đường là 0,50m và kéo đến đầu dải hộ lan theo hướng T là 24m.

Vị trí xe ô tô con 65A-07969 dừng sau tai nạn, xe dừng trên làn đường bên trái theo chiều đường T – M, từ trục trước bên phải kéo vuông góc vào vạch kẻ đường là 2,25m, từ trục sau bên phải kéo vuông góc vào vạch kẻ đường là 2,25m và kéo đến trục trước bên phải xe ô tô tải 94C-03390 theo hướng T là 7,10m, đầu xe quay về hướng M, đuôi xe quay về hướng T.

Vị trí xe ô tô tải 83C-02226 dừng sau tai nạn xe dừng qua khỏi cầu M nơi đoạn đường có dải phân cách ở giữa mỗi chiều xe chạy có 03 làn đường, xe dừng trên làn đường bên phải sát mép đường theo hướng T đi M, đầu xe quay về hướng M, đuôi xe quay về hướng T từ trục trước bên phải kéo vuông góc vào mép đường là 0,25m, từ trục sau bên phải kéo vuông góc vào mép đường là 0,10m và kéo đến trục trước bên phải xe ô tô con 65A-07969 theo hướng T là 2,30m.

Theo biên bản khám nghiệm phương tiện xe ô tô tải 94C-03390 ngày 18/7/2019 của Công an huyện C xác định: Kính chắn gió trước bể, mặt dựng trước thụng móp; ga lăng trước nứt; cản trước rách, móp; biển số trước móp, kính biển số bể; đèn trước bên trái nứt bể, đẩy vào trong; thanh ngang trước mặt dựng gãy.

Theo biên bản khám nghiệm phương tiện xe ô tô 65A-07969 ngày 18/7/2019 của Công an huyện C xác định: ca pô trước thụng móp, đẩy về sau; kính chắn gió trước bể; máy trước góc bên phải đẩy lệch về sau; két nước thụng, rách; ga lăng trước bể; cản trước gió bên phải bể, má trước bên phải rách, thụng móp; đèn trước bên phải bể; dè chắn bùn trước bên phải thụng móp; cốp sau thụng móp, đẩy về trước; kính chắn gió sau bể, nẹp cốp sau thụng móp; đèn sau phải, trái bể; cản sau thụng móp, biến dạng; hông sau phải trái thụng, kính hong bể; ghế sau lệch; khung xương xe sau biến dạng.

Theo biên bản khám nghiệm phương tiện xe ô tô tải 83C-02226 ngày 18/7/2019 của Công an huyện C xác định: khung đèn sau bên trái xước, đẩy về trước, đầu sắt si sau bên trái xước; thanh nối hai đầu sắt xi phía sau xước; nẹp inox sau, phía trên biến sau cong, xước; đèn soi biển số sau bể; kính biển số sau nứt; cản phụ sau, bên trái bung ra, pas bắt cản cong về trước.

Vật chứng được thu giữ gồm:

- 01 xe ô tô tải biển số 83C-02226, 01 giấy phép lái xe hạng C tên Lưu Văn L, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 83C-02226, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 83C-02226.

- 01 xe ô tô con biển số 65A-07969, 01 giấy phép lái xe hạng B2 tên Lê Văn T, 01 giấy biên nhận thể chấp số 19, 01 bản photo giấy chứng nhận kiểm định xe 65A-07969.

- 01 xe ô tô tải biển số 94C-03390, 01 giấy phép lái xe hạng C tên Hiệu Hoàng N, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 94C-03390, 01 giấy biên nhận thể chấp số 06.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cái Bè đã trao trả các tài sản trên cho chủ sở hữu, hiện còn tạm giữ 01 giấy phép lái xe hạng C tên Hiệu Hoàng N.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 117/KLĐG-TTHS, ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định: Xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner màu bạc năm 2010 biển số 65A-07969 (trước khi xảy ra tai nạn) trị giá 241.199.508 đồng; Xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner màu bạc năm 2010 biển số 65A-07969 (sau khi xảy ra tai nạn) trị giá 80.399.836 đồng. Tổng cộng giá trị thiệt hại là 160.799.672 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hồ Văn T là chủ sở hữu xe ô tô tải 94C-03390 đã thỏa thuận với anh Vũ Trọng B là chủ sở hữu xe ô tô 65A-07969,

mua lại xe 65A-07969 bị hư hỏng với giá 590.000.000 đồng, thỏa thuận bồi thường chi phí điều trị cho chị Trần Thị Hồng L số tiền 25.000.000 đồng, trong đó Hiệu Hoàng N đã đóng góp 20.000.000 đồng. Anh Vũ Trọng B đã bãi nại cho N, chị Trần Thị Hồng L chỉ bị vết thương rách da vùng trán nên đã làm đơn bãi nại và từ chối giám định tỷ lệ thương tật.

Đối với xe ô tô tải 83C-02226 chỉ bị hư hỏng nhẹ nên anh Lê Thanh T là chủ sở hữu xe 83C-02226 không yêu cầu anh Hồ Văn T phải bồi thường và Cơ quan điều tra không yêu cầu định giá tài sản bị thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS, ngày 12/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo **Hiệu Hoàng N** về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạt tiền bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hồ Văn T là chủ sở hữu xe ô tô tải 94C-03390 đã thỏa thuận với anh Vũ Trọng B là chủ sở hữu xe ô tô 65A-07969, mua lại xe 65A-07969 bị hư hỏng với giá 590.000.000 đồng, thỏa thuận bồi thường chi phí điều trị cho chị Trần Thị Hồng L số tiền 25.000.000 đồng, trong đó bị cáo N đã đóng góp 20.000.000 đồng. Anh Vũ Trọng B đã bãi nại cho bị cáo N, chị Trần Thị Hồng L chỉ bị vết thương rách da vùng trán nên đã làm đơn bãi nại và từ chối giám định tỷ lệ thương tật.

Đối với xe ô tô tải 83C-02226 chỉ bị hư hỏng nhẹ nên anh Lê Thanh T là chủ sở hữu xe 83C-02226 không yêu cầu anh Hồ Văn T phải bồi thường và Cơ quan điều tra không yêu cầu định giá tài sản bị thiệt hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô tải biển số 83C-02226, 01 giấy phép lái xe hạng C tên Lưu Văn L, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 83C-02226, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 83C-02226.

- 01 xe ô tô con biển số 65A-07969, 01 giấy phép lái xe hạng B2 tên Lê Văn T, 01 giấy biên nhận thể chấp số 19, 01 bản photo giấy chứng nhận kiểm định xe 65A-07969.

- 01 xe ô tô tải biển số 94C-03390, 01 giấy phép lái xe hạng C tên Hiệu Hoàng N, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 94C-03390, 01 giấy biên nhận thể chấp số 06.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả các tài sản trên cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C tên Hiệu Hoàng N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 trả cho bị cáo giấy phép lái xe.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo chỉ làm thuê và gia đình bị cáo cũng khó khăn, hiện tại mẹ bị cáo đang bệnh.

- Bị đơn dân sự anh Hồ Văn T chủ xe ô tô tải 94C-03390 xác định đã bồi thường cho các bị hại xong và bị cáo N có đóng góp với anh số tiền 20.000.000 đồng bồi thường cho các bị hại. Anh không có tranh luận với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Đối với số tiền anh bỏ ra bồi thường thay cho bị cáo anh không có yêu cầu bị cáo trả lại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị đơn dân sự tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên việc vắng mặt của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại đoạn dốc cầu M quốc lộ 1 thuộc Km 2017 + 400m ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T, bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển số 94C-03390 không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước đã gây ra tai nạn. Hậu quả hư hỏng xe ô tô 65A-07969.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, khám nghiệm phương tiện cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Theo bản kết luận định giá tài sản số 117/KLĐG-TTHS, ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định: Xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner màu bạc năm 2010 biển số 65A-07969 (trước khi xảy ra tai nạn) trị giá 241.199.508 đồng; Xe ô tô 07 chỗ hiệu Toyota Fortuner màu bạc năm 2010 biển số 65A-07969 (sau khi xảy ra tai nạn) trị giá 80.399.836 đồng. Tổng cộng giá trị thiệt hại là 160.799.672 đồng.

Lỗi dẫn đến tai nạn giao thông là do bị cáo điều khiển xe ô tô tải 94C-03390 ngủ gật không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ.

Điều 12. Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe

“1. Người lái xe, điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.”

Do đó bản cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 12/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo Hiệu Hoàng N về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng để nhận thức được hành vi việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi vô ý do cầu thả. Lỗi dẫn đến vụ tai nạn là do bị cáo không chấp hành đúng quy định Luật giao thông đường bộ cụ thể bị cáo điều khiển xe ngủ gật, không giữ đúng khoảng cách an toàn theo quy định dẫn đến tai nạn giao thông, điều khiển xe ô tô thiếu chú ý quan sát có xe dừng phía trước xử lý kém dẫn đến tai nạn. Hậu quả làm hư hỏng xe ô tô 65A-07969 đã vi phạm vào khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ nên đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng tình hình trật tự giao thông tại địa phương nên phải xử lý nghiêm minh.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có đóng góp bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Các bị hại đã bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đặt ra xem

xét, giải quyết.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C tên Hiệu Hoàng N là của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 46 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Hiệu Hoàng N đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Hiệu Hoàng N 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về vật chứng: Trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng C tên Hiệu Hoàng Nam (*theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/12/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Cái Bè và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè*).

3/ Về án phí: Bị cáo Hiệu Hoàng N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị đơn dân sự được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh

T xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn trên tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

